

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HCST
Ngày: 04-8-2020
V/v khiếu kiện Quyết định xử lý
vi phạm hành chính về trật tự
xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ

Bà Nguyễn Thị Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Bích Phượng - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLST-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1952; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 10AB, tổ dân phố C (nay là Tổ dân phố D), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ tạm trú: Số E, tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Văn C, Luật sư Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ trụ sở: số B, phố T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;** địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ (theo văn bản ủy quyền số: 1805/UBND-VP ngày 20/12/2019) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Đình K**, sinh năm: 1963 và bà **Hoàng Thị X**, sinh năm: 1960; cùng địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện P, tỉnh T (vắng mặt);

- **Công ty Cổ phần chế biến nông sản Đ**; địa chỉ trụ sở: Số nhà M, tổ dân phố O, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 27/3/2001, ông Nguyễn Đình K được Công ty cây công nghiệp Đ giao khoán đất để trồng cà phê với diện tích đất là 0,XXX ha, thuộc khu vực Đội A Công ty, thời gian giao khoán đất là 50 năm, kể từ ngày 01/7/1995 (tính từ ngày giao khoán đất cho ông L ngày 01/7/1995), theo Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số: Z/HĐK-CTCCN ký kết giữa: Bên giao khoán là Công ty cây công nghiệp D do Phó Giám đốc Bùi Đ ký, với bên nhận khoán là ông Nguyễn Đình K.

Năm 2013, ông K chuyển nhượng cho bà D toàn bộ diện tích đất khoán trên và các tài sản trên đất (gồm nhà cấp 4 cũ, bể nước, giếng khơi, cây trồng lâu năm, hoa màu); bà D đã thanh toán đầy đủ giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông K, hai bên không có tranh chấp gì về quyền và nghĩa vụ. Tại thời điểm chuyển nhượng, do đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ nên hai bên chỉ lập Giấy ủy quyền sử dụng đất. Đến ngày 26/7/2018 để hoàn thiện thủ tục pháp lý, ông Nguyễn Đình K và bà Hoàng Thị X đã làm Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D tại Văn phòng Công chứng Đ (công chứng số X/2018. Quyền số: Y-TP/CC-SCC/HĐGD), theo đó: ông K, bà X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D được toàn quyền sử dụng, quản lý diện tích đất nhận khoán nêu trên; đồng thời được hưởng các khoản tiền bồi thường về hoa màu, vật kiến trúc trên đất trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2013, bà D đã trực tiếp quản lý đất và xây dựng thêm một số công trình nhà xưởng, kho bãi để kinh doanh, không tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; việc xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch của địa phương, khi xây dựng không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản ngăn chặn hay xử phạt hành chính; gia đình bà không biết việc ông Tòng Văn T, viên chức Đội quản lý trật tự xây dựng thành phố Đ lập Biên bản vi phạm hành chính số: 05/BB-VPHC hồi 14 giờ 50 phút ngày 04/5/2019 đối với gia đình bà. Ngày 31/7/2019 Chủ tịch UBND thành phố Điện Đ ban hành Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây viết tắt là Quyết định số 17), với nội dung: *Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Nguyễn Thị D, tại Tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ; Lý do: Bà Nguyễn Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà*

ở trên đất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Nam Thanh Trường.

Ngày 09/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây viết tắt là Quyết định số 26), với nội dung: *Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) của bà Nguyễn Thị D, tại Tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ; Lý do: Bà Nguyễn Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới N.*

Bà Nguyễn Thị D đã khiếu nại Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 12/9/2019 đến Chủ tịch UBND thành phố Đ nhưng không được giải quyết.

Không đồng ý với Quyết định số 17 và Quyết định số 26 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy hai Quyết định trên, vì cho rằng các quyết định hành chính đó đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện không thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Tại văn bản số: 1822/UBND-TP ngày 20/12/2019 của UBND thành phố Đ đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị N, vi phạm điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật khung; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; khoản 2 Điều 45 Luật xây dựng năm 2014 quy định nguyên tắc quản lý xây dựng theo quy hoạch “*Việc đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật về xây dựng...*”

Cụ thể: Ngày 18/6/2013, bà D xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tổ dân phố F, phường T diện tích là 160 m² đã bị UBND phường T lập biên bản ngừng thi công công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị. Ngày 29/12/2016, gia đình bà D đã bị Đoàn kiểm tra liên ngành Sở Xây dựng lập biên bản số: 08/BBKT-ĐLN về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn phường T, trong biên bản xác định rõ công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng.

Hồi 14 giờ 50 phút ngày 04/5/2019, tại tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ, Đội quản lý trật tự đô thị do ông Tòng Văn T - Viên chức Đội trật tự đô thị thành

phố đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D về hành vi vi phạm hành chính tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, tổng diện tích 611,33 m², công trình kết thúc năm 2013.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D đã hết theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, để khắc phục hậu quả do hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng của bà Nguyễn Thị D, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập để ban hành Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trong Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố có yêu cầu bà D phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Nguyễn Thị D, tại Tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ; Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Hết thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, bà D không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố Đ đã căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 26/QĐ-CCKPHQ ngày 29/7/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên hủy Quyết định số: 17 và Quyết định số: 26 của Chủ tịch UBND thành phố Đ vì đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà là không có căn cứ pháp lý.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố vẫn giữ nguyên nội dung 02 Quyết định hành chính nêu trên và đề nghị TAND tỉnh Điện Biên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/3/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình K, bà Hoàng Thị X trình bày:

Ngày 27 tháng 3 năm 2001, ông K nhận khoán 0,XXX ha đất của Công ty cây công nghiệp Đ để trồng cà phê. Nguồn gốc đất nhận khoán là do ông Phạm Ngọc L nhận khoán từ 01/7/1995. Việc chuyển nhượng đất trồng cây cà phê giữa ông K và ông L được Công ty cây công nghiệp Đ cho phép (thể hiện tại Hợp đồng giao khoán đất trồng cây lâu năm số: Z/HĐ-CTCCN về việc giao khoán đất trồng cây lâu năm giữa Công ty cây công nghiệp với ông K). Khi ông K nhận chuyển nhượng từ ông L đã có sẵn 03 gian nhà ông L dựng tạm để chăn nuôi lợn, gà và 01 vườn cây cà phê; sau khi nhận chuyển nhượng ông K đã xây dựng thêm 01 bức tường rào ranh giới giáp với đất của ông Vũ Tiến H dài 25m²; 01 nhà vệ sinh bệ xôm có diện tích 0,3m²; khoan 01 giếng nước có chiều sâu 20m; 01 bể chứa nước có diện tích 0,3m³; 01

hàng rào dây thép B40 dài 25m² làm ranh giới với đường đi đến cầu A1; xây 02 trụ cổng và làm cánh cổng ra vào bằng sắt. Năm 2010, do không có nhu cầu sử dụng nên ông K đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà T với giá 400 triệu đồng, hai bên không làm hợp đồng chuyển nhượng mà chỉ thỏa thuận miệng. Việc ông K chuyển nhượng đất cho bà T, ông K không hỏi ý kiến Công ty cây công nghiệp vì ông K biết rằng việc chuyển nhượng đất giao khoán cho người khác là không được phép, điều này được nêu rõ trong hợp đồng giao khoán. Sau đó bà T đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị D toàn bộ diện tích trên, việc chuyển nhượng đất giữa bà D và bà T như thế nào ông K không nắm được. Sau khi bà T chuyển nhượng đất nhận khoán cho bà D và bà D chặt cây cà phê, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng, kho bãi không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 26/7/2018, bà D đã nhờ ông K, bà X ký vào Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất cho bà D, Hợp đồng ủy quyền được làm tại Văn phòng Công chứng Đ, theo đó: Ông K, bà X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D được toàn quyền sử dụng, quản lý diện tích đất nhận khoán nêu trên; đồng thời được hưởng các khoản tiền bồi thường về hoa màu, vật kiến trúc trên đất trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Tại công văn số: P/CV-CPCBNS ngày 08/4/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cây công nghiệp Đ (nay là Công ty cổ phần chế biến nông sản Đ) có ý kiến như sau:

Ông Nguyễn Đình K không phải là công nhân của Công ty cây công nghiệp Đ. Ngày 27/03/2001 ông K được Công ty cây công nghiệp cho phép nhận khoán đất để trồng cà phê (tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số Z/HĐK-CTCCN giữa: Bên giao khoán là Công ty cây công nghiệp Đ, với bên nhận khoán là ông Nguyễn Đình K). Sau khi nhận khoán đất trồng cây cà phê, ông K có trồng và chăm sóc cây cà phê như hợp đồng giao khoán. Tuy nhiên, từ năm 2010 ông K tự ý đổ đất lên diện tích đất nhận khoán; đặc biệt năm 2013 ông K đã tự ý làm nhà và các công trình khác trên đất. Công ty cây công nghiệp biết việc ông K tự ý chuyển nhượng đất nhận khoán trồng cà phê cho người khác, nhưng công ty không có bằng chứng để xác minh, vì các bên liên quan không khai báo với công ty để thực hiện các thủ tục chuyển vườn cây, xác lập Hợp đồng khoán theo quy định. Theo các điều khoản trong Hợp đồng thì ông K không được chuyển nhượng đất nhận khoán khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc công ty. Việc bà D tự ý chặt cây cà phê để xây dựng kho bãi, làm nhà xưởng trên đất nhận khoán công ty đã tiến hành kiểm tra, xác định và quy trách nhiệm cho chủ hộ nhận khoán là ông Nguyễn Đình K (vì không có chứng cứ xác định việc mua bán giữa bà D và ông K) và báo cáo tình trạng vi phạm chung của các hộ vi phạm lên UBND tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan để đề nghị giải quyết. Năm 2014, Công ty cây công nghiệp Đ chuyển giao quyền quản lý đất và toàn bộ hồ sơ, tài liệu về đất giao khoán tại phường T cho UBND thành phố Đ (trong đó có hộ ông Nguyễn Đình K).

Tại phiên đối thoại ngày 11/02/2020:

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D công nhận việc xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp (đất trồng cà phê) không được cấp phép xây dựng là sai, tuy nhiên, việc quản lý xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chính quyền địa phương còn lỏng lẻo nên quá trình xây dựng và sử dụng công trình xây dựng từ 2013 đến

2019 của gia đình bà mới bị lập biên bản vi phạm. Do đó không nhất trí việc tháo dỡ công trình như các quyết định hành chính của UBND thành phố Đ. Đề nghị được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng loại đất đã được quy hoạch và được thỏa thuận bồi thường về tài sản trên đất với Doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Phạm Văn S có ý kiến: Bà D xây dựng nhà ở và công trình trên đất tại tổ F, phường T là sai mục đích sử dụng, vi phạm quy định về xây dựng nhà ở đơn lẻ, theo quy hoạch của UBND tỉnh Đ diện tích đất của gia đình bà D thuộc Khu đô thị N nên đề nghị của bà về việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất không có cơ sở chấp nhận; đối với đề nghị được thương thảo với Doanh nghiệp thực hiện dự án thì theo quy định của Luật đất đai đây là dự án do Nhà nước thực hiện thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng, mặt khác hiện nay chưa có mặt bằng sạch để thực hiện dự án nên cấp có thẩm quyền chưa tiến hành lựa chọn Nhà đầu tư; bà D yêu cầu được bồi thường về tài sản đã xây dựng trên đất, vấn đề này đã được thể hiện rõ tại Quyết định số: 893/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Đ về phê duyệt phương án dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khu đô thị mới N trên địa bàn phường Thanh Trường, thành phố Đ và xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (đợt 1), theo đó hộ gia đình bà Nguyễn Thị D được bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất với tổng số tiền là 1.ABC.XYZ.MNO đồng.

Kết quả đối thoại: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cho rằng yêu cầu khởi kiện không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên quyết định hành chính bị khiếu kiện.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Quyết định số 17 ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ thiếu căn cứ pháp lý, được thể hiện:

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 05 ngày 04/5/2019 xác định bà D có hành vi xây dựng 03 nhà với tổng diện tích xây dựng 611,33 m² không có giấy phép xây dựng, công trình hoàn thành năm 2013 là đã xác định sai đối tượng vi phạm, vì công trình này do ông K xây chứ không phải bà D xây.

Khi lập biên bản vi phạm hành chính không có mặt bà D nhưng không giao biên bản này cho bà D và không thông báo cho bà D biết để bà D thực hiện quyền của mình theo quy định; Biên bản vi phạm hành chính lập nhiều trang nhưng không có chữ ký vào từng trang. Vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Công trình xây dựng của bà D được thực hiện và hoàn thành năm 2013, đến năm 2014 UBND tỉnh Đ mới phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị N, như vậy công trình xây dựng có trước và không làm cản trở việc giải phóng mặt bằng; đồng thời loại đất ở khu vực này đã được quy hoạch làm đất ở đô thị, do đó trong trường hợp này UBND thành phố Đ phải thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường tài sản, bố trí tái định cư cho bà D, chứ không được xử lý về trật tự xây dựng.

Hành vi xây dựng công trình vi phạm của bà D đã kết thúc trước thời điểm Nghị định số: 139 có hiệu lực, do đó UBND thành phố Đ phải áp dụng Khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và cấp giấy phép xây dựng cho bà D mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D.

Do đó, Quyết định số 17 và Quyết định số 26 của Chủ tịch UBND thành phố Đ không hợp pháp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D. Yêu cầu khởi kiện của bà D hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; Hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, phát huy tính tranh tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị D. Sau khi nhận được Quyết định trên, bà D không thực hiện việc tháo dỡ công trình trên đất theo quy định; ngày 09/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Không đồng ý với các Quyết định hành chính trên, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính đó.

Xét thấy: Quyết định số 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 và Quyết định số 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là Quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng. Đây là trường hợp khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính;

Bà Nguyễn Thị D cho rằng các quyết định hành chính nêu trên là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 16/10/2019, bà Nguyễn Thị D khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Điện Biên là đã thực hiện việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1.1] Tính hợp pháp về Hình thức:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số: 05/BB-VPHC của UBND phường T lập ngày 04/5/2019; Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phù hợp với biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, khẳng định các quyết định trên hợp pháp về hình thức.

[2.1.2] Tính hợp pháp về nội dung:

Năm 2013 bà Nguyễn Thị D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Đình K, bà Hoàng Thị X với diện tích 0,XXX ha đất trồng cà phê. Diện tích đất này có nguồn gốc là đất ông Nguyễn Đình K nhận khoán của Công ty cây công nghiệp Đ, được thể hiện tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số: Z/HĐK-CTCCN ngày 27/3/2001 giữa người nhận khoán ông Nguyễn Đình K, người giao khoán Công ty Cây công nghiệp Đ.

Khi bà D nhận chuyển nhượng đất từ ông K, trên đất đã có cây cà phê và một số công trình xây dựng khác. Năm 2013, bà D chặt cây cà phê, san ủi đất và xây dựng thêm 01 nhà xưởng khung cột sắt có lợp mái tôn, lán nền bê tông, 02 nhà kho xây tường 110, mái lợp tôn nền lát gạch; công trình được hoàn thành trong năm 2013; khi xây dựng không bị cơ quan Nhà nước nào lập biên bản ngăn chặn; bà D cũng không có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.

Do ông K và bà D không làm được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên để có cơ sở pháp lý cho bà D sử dụng đất và hưởng các quyền lợi khác của người sử dụng đất, ngày 26/7/2018, hai bên đã làm Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng Đ (công chứng số X/2018. Quyền số: Y-TP/CC-SCC/HĐGD), theo đó: Bà Nguyễn Thị D được toàn quyền sử dụng, quản lý diện tích đất nhận khoán nêu trên; đồng thời được hưởng các khoản tiền bồi thường về hoa màu, vật

kiến trúc trên đất trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Tại Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số: Z/HĐK-CTCCN ngày 27/3/2001 có nội dung:

- Điều 1 quy định: *Giao cho ông Nguyễn Đình K diện tích đất 0,2200ha thuộc khu vực đội 7 công ty để trồng cây cà phê.*

- Điều 3 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán:

+ Điểm d khoản 1 quy định: *Được sử dụng một số đất để làm lán tạm bảo vệ sản xuất, cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất; được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, hố ủ phân, chuồng nuôi gia súc, kênh dẫn nước, cống thoát nước trực tiếp phục vụ sản xuất trên đất nhận khoán là 100 m².*

+ Điểm a khoản 2 quy định: *Bên nhận khoán đất có nghĩa vụ trồng mới cây cà phê theo đúng quy hoạch và quy trình kỹ thuật của bên giao khoán, sử dụng đất đúng mục đích được giao.*

+ Điểm đ khoản 2 quy định: *Không được tự ý chuyển nhượng vườn cây khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc công ty.*

Ông Nguyễn Đình K đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhận khoán trồng cà phê cho bà Nguyễn Thị D nhưng không được sự cho phép của Giám đốc Công ty cây công nghiệp; thủ tục chuyển nhượng không hợp pháp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005. Phần công trình được phép xây dựng theo quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng đã được gia đình ông K xây dựng, sau đó bà D chặt cây cà phê, san lấp mặt bằng xây dựng thêm công trình nhà ở, nhà kho, lợp mái tôn trên đất là sử dụng đất không đúng mục đích được giao khoán theo hợp đồng trên; ngoài ra, bà D xây dựng công trình sau thời điểm UBND tỉnh Đ phê duyệt quy hoạch, được thể hiện tại các văn bản sau: Quyết định số: 733/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số: 1068/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Đô thị H; Quyết định số: 1198/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc chấp thuận Đầu tư dự án: Đô thị H tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; sau đó được điều chỉnh tại các quyết định: Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới N; Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam Thanh Trường; Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Xây dựng Khu đô thị mới N.

Do đó, ngày 04/5/2019, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị D về hành vi: “*Tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Nam Thanh Trường*”, hành vi được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định

số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là **đúng đối tượng và có căn cứ**.

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với biện pháp: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Nguyễn Thị D tại tổ dân phố F, phường T, thành phố Đ. Ngày 06/8/2019, bà Nguyễn Thị D nhận được Quyết định số 17 nhưng không tự nguyện thực hiện nên ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố tiếp tục ban hành Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Nguyễn Thị D. Bà Dg nhận Quyết định số 26 vào ngày 11/10/2019.

Như vậy, hành vi xây dựng nhà không có giấy phép, xây dựng trên đất nông nghiệp của bà D đã kết thúc từ năm 2013, nhưng đến tháng 5/2019 hành vi đó mới bị phát hiện. Tính từ ngày hành vi vi phạm kết thúc đến ngày ra quyết định đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (02 năm) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Đ không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (buộc tháo dỡ công trình xây dựng không có giấy phép) là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do bà D không tự nguyện thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính, nên Chủ tịch UBND thành phố Đ ra quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại Điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định số: 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa, Người khởi kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng: Chủ tịch UBND thành phố Đ xử lý về trật tự xây dựng đối với bà D là trái pháp luật; lẽ ra phải áp dụng khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 để giải quyết cho bà Nguyễn Thị D mới đảm bảo quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 3 Điều 79 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP quy định: *"Hành vi vi phạm hành chính được quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 13 và khoản 2 Điều 70 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP, mà đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP"*.

Tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 quy định: *"Hành vi quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và Điểm b khoản 7 Điều này mà không vi phạm chỉ giới xây dựng, không gây ảnh hưởng các công trình lân cận, không có tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính, còn bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được bằng 40% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép đối với công trình là nhà ở riêng lẻ"*

và bằng 50% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được phê duyệt hoặc sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị được duyệt đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng hoặc công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc nộp phạt thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng".

Hành vi xây dựng công trình không có giấy phép của bà Nguyễn Thị D đã kết thúc trước ngày Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP có hiệu lực, nhưng bà D ***xây dựng nhà trên đất không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp***, đó là: việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D và ông bà K, X không được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2003, mà hai bên chỉ lập Hợp đồng ủy quyền, do đó bà D cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên theo quy định tại khoản 5 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai thì bà D chưa có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất có xây dựng công trình; ngoài ra, ***công trình xây dựng không phù hợp với quy hoạch***, bởi công trình (03 nhà) của bà D được xây dựng trên đất đã có quy hoạch, được thể hiện tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ như đã viện dẫn ở trang 10 của Bản án (Quyết định số: 733/QĐ-UBND ngày 05/8/2011; Quyết định số: 1068/QĐ-UBND ngày 26/10/2011; Quyết định số: 1198/QĐ-UBND ngày 02/12/2011; Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 05/4/2018; Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 18/4/2018; Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 07/11/2018). Do đó, ý kiến của người khởi kiện và Luật sư nêu trên không phù hợp với quy định nên không được chấp nhận.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định nội dung của các Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 12/9/2019 và Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 là hợp pháp.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.2.1] Về thẩm quyền:

Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 04/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số: 05/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị D về hành vi: “Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng”. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, Bà Nguyễn Thị D không có mặt nên không ký tên vào biên bản; sau khi lập biên bản vi phạm, UBND phường T không giao biên bản này cho bà D và cũng không thông báo cho bà D biết về việc bị lập biên bản vi phạm hành chính; không tiến hành niêm yết Biên bản vi phạm hành chính tại nơi cư trú của bà D. Như vậy, thủ tục lập Biên bản

vi phạm hành chính và giao biên bản cho người vi phạm không đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, bà D không biết việc vi phạm hành chính của mình bị lập biên bản để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố Đ căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số: 05/BB-VPHC để ban hành Quyết định số 17 và Quyết định số 26 là không hợp pháp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D. Do đó, bà D khởi kiện là có căn cứ.

[2.3] Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính.

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khi đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với bà Nguyễn Thị D là đúng quy định về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 5 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Hết thời hạn 10 ngày quy định tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019, bà Nguyễn Thị D không tự nguyện chấp hành. Ngày 09/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 26 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà D.

Như vậy, việc ban hành các quyết định hành chính trên là đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 65 và khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Mối liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có liên quan: Các quyết định hành chính bị khởi kiện không hợp pháp về trình tự, thủ tục ban hành (Biên bản vi phạm hành chính - là căn cứ để ban hành các QĐHC bị khởi kiện chưa được giao cho người vi phạm), làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[2.5] Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác: Không có.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là hợp pháp về hình thức; nội dung; thẩm quyền; thời hạn, thời hiệu nhưng không hợp pháp về trình tự thủ tục ban hành quyết định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D được chấp nhận.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Tạm đình chỉ thi hành Quyết định hành chính”. Ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/QĐ-BPKCTT, theo đó, đã buộc Chủ tịch UBND

thành phố Đ tạm đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế số: 26/CCKPHQ ngày 09/10/2019. Nay vụ án đã được giải quyết nên HĐXX căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật tổ tụng hành chính Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND thành phố Đ Phủ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 74; điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 15; khoản 3 Điều 79 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số: 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Hủy Quyết định số: 17/QĐ-KPHQ ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 26/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2020). Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Công ty cổ phần chế biến nông sản Đ; ông Nguyễn Đình K, bà X có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Cấp cao tại HN;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp;
- UBND tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hoà